TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thạch;

2. Ông Hoàng Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 05/01/2026 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2024; có đăng ký kết hôn năm 2024 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không hợp tính tình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đầu tháng 12/2025 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chị ruột của anh là chị Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ D, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh số tiền khoảng 430.000.000 đồng nhưng chị T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Đ về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, chị và anh Đ, gia đình anh Đ không chung sống hòa hợp với nhau được và anh Đ có người khác bên ngoài; vợ chồng đã ly thân từ cuối tháng 12/2025 cho đến nay. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn vì anh Đ có người khác, chị sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh sau cho Tòa án.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chị T, chị yêu cầu chị T nộp chứng cứ chứng minh đầy đủ về khoản nợ.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoàng T trình bày:*

Trong quá trình, Đ và H chung sống chị có cho vợ chồng anh Đ chị H vay 145.000.000 đồng để làm đám cưới; chuyển khoản nhiều lần tổng cộng 206.900.000 đồng và 80.100.000 đồng tiền mặt. Tổng cộng 432.000.000 đồng.

Chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, có tranh chấp xảy ra chị sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con chung: Anh Đ và chị H trình bày không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Ghi nhận đương sự trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị trình bày còn nợ chị Nguyễn Thị Hoàng T nhưng chị T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên ghi nhận.

Án phí đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2024, có đăng ký kết hôn ngày 30/8/2024 tại UBND xã T, huyện

T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã T, tỉnh Tây Ninh), đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Đ trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không hợp tính tình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, đã ly thân từ đầu tháng 12/2025.

Quá trình làm việc, chị H thống nhất với lời trình bày của anh Đ về thời gian kết hôn và thời gian ly thân. Chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, chị và anh Đ, gia đình anh Đ không chung sống hòa hợp với nhau được và anh Đ có người khác bên ngoài; chị không đồng ý ly hôn vì anh Đ có người khác nhưng chị không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho việc này.

Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị H là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị trình bày không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ và chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Đ và chị H đều trình bày là có nợ chị Nguyễn Thị Hoàng T là chị ruột của anh Đ một số tiền nhưng chị T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp, chị T sẽ yêu cầu giải quyết ở vụ án khác.

[6] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ đối với chị Nguyễn Thị Ngọc H. Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Anh chị trình bày không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3.Về tài sản chung: Anh Đ và chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hoàng T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên ghi nhận. Trường hợp có tranh chấp, chị T sẽ yêu cầu giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006977 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ghi nhận anh Đ đã nộp xong.

6. Báo cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Lan